

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp
về chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Huy Du

Bà Lương Thị Kim Dung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 213/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông K, sinh năm 1964; địa chỉ: #254 Samjeongja-dong, Seongsan-gu, thành phố Changwon, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Lý Trà My - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Dragon; có mặt;

Bị đơn: Bà Phạm Thu H, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 72/169 Phạm Hữu Đ, phường Niệm N, quận Lê C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn H, sinh năm 1949;

- Bà Trần Thị Q, sinh năm 1953;
- Chị Mai Thị P, sinh năm 1974;
- Chị Mai Thị H, sinh năm 1988;

Ông H, bà Q, chị P, chị H cùng cư trú tại: Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

Bà Phan Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Kiến P, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

UBND xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn P - Cán bộ UBND xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn - Ông K trình bày:

Ông và bà Phạm Thu H có tìm hiểu nhau trong một khoảng thời gian ngắn và có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân huyện An D, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau được khoảng 4 tháng, sau đó ông trở về Hàn Quốc và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H không thành thật với ông về vấn đề tình cảm cũng như kinh tế. Đến cuối năm 2017 bà H bị tai nạn, ông có gửi tiền về cho bà H để chữa bệnh. Nay, ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa ông và bà H đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông K và bà H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông làm ăn ở Hàn Quốc có gửi tiền về để bà H mua các thửa đất sau:

- Thửa số 756, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng. Thửa đất này mua của bà Phan Thị H năm 2019, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được chứng thực tại UBND xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng và thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này ước tính giá trị khoảng 100.000.000 đồng.

- Thửa đất thứ hai: Thửa đất số 171 + 72, tờ bản đồ số 15, diện tích 414m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng. Thửa đất này mua của hộ ông Mai Văn H, bà Trần Thị Q năm 2019 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được chứng thực tại UBND xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này ước tính giá trị khoảng 100.000.000 đồng.

Số tiền mua các thửa đất trên đều là tiền của ông gửi về cho bà H. Nay, ông đề nghị Tòa án chia cho ông tất cả các thửa đất trên và ông sẽ lấy bằng tiền theo giá thị trường tương ứng với giá trị các thửa đất trên.

Bị đơn - bà Phạm Thu H trình bày:

Bà thống nhất về quá trình kết hôn, chung sống cũng như thời gian mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông K. Bà nhận thấy, giữa hai người có thời gian chung sống cùng nhau nhưng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn do ông K có người phụ nữ khác và ông nghĩ bà ngăn cản ông ngoại tình nên bà bị ông thường xuyên đánh đập. Đến cuối năm 2017, bà bị tai nạn giao thông, ông K có gửi tiền về cho bà để chữa bệnh. Nay ông K xin ly hôn bà, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn nhau.

Về con chung: Bà và ông K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Như ông K trình bày thì hai hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ này đã bị huỷ vì mới thực hiện ở bước hai, hai bên ký kết, có chứng thực của UBND xã Đồng T, huyện An D nhưng chưa có việc giao nhận đất, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã hoàn trả lại tiền cho nhau, hai bên chưa giao dịch chuyển nhượng, mua bán thành công. Bà H chưa quản lý sử dụng 02 thửa đất trên. Vì vậy, bà khẳng định bà H và ông K không có tài sản chung.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Phan Thị H trình bày: Bà và chị Phạm Thu H có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (chuyên trồng lúa nước) ngày 04/6/2019 tại UBND xã Đồng T, huyện An D đối với thửa đất số CQ 595864, vào sổ sổ: CH00178 cấp ngày 12/4/2019 mang tên bà H, số thửa đất 756, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m², tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D. Ngày 04/6/2019 bà H có giao cho bà H 150.000.000 đồng tiền mua bán mảnh đất trên. Tuy nhiên do chưa hoàn tất được thủ tục chuyển nhượng và bà H bị bệnh cần tiền nên ngày 18/6/2019 bà đã trả lại 150.000.000 đồng, số tiền mà bà H đã giao cho bà H. Việc hoàn trả lại tiền hai bà có lập vi bằng số 221/2020/VB-TPLHP ngày 04/9/2020 xác nhận việc nhận tiền này tại Văn phòng Thừa phát lại Hải Phòng, địa chỉ: Phòng 307, tòa nhà 5A Hoàng Văn T, phường Minh K, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng. Hiện tại thửa đất này bà H vẫn đang quản lý, sử dụng.

- Ông Mai Văn H trình bày: Ngày 11/6/2019 ông cùng vợ và hai con (bà Q, hai con gái P, H) có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (chuyên trồng lúa nước) tại UBND xã Đồng T, huyện An D đối với thửa đất số 171 + 72, tờ bản đồ số 15, diện tích 414m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số G384632, số vào sổ 00630 cấp ngày 22/10/1995 mang tên ông Mai Văn H. Ông H đã nhận của bà H 146.000.000 đồng.

Tuy nhiên do chưa hoàn thiện được thủ tục chuyển nhượng và bà H lại bị bệnh cần tiền chữa bệnh nên ngày 16/6/2019 bà H đã nhận lại số tiền trên và hai bên đã lập vi bằng số 220/2020/VB-TPLHP ngày 31/8/2020 xác nhận việc nhận tiền này tại Văn phòng Thừa phát lại Hải Phòng, địa chỉ: Phòng 307, tòa nhà 5A Hoàng Văn T, phường Minh K, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng. Hiện tại thửa đất này gia đình ông H vẫn đang quản lý, sử dụng.

- UBND xã Đồng T có ý kiến: Đối với thửa đất số 171 + 72, tờ bản đồ số 15, diện tích 414m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng và số thửa đất 756, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m², tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D là đất nông nghiệp được sử dụng 50 năm đã được UBND huyện An D đã cấp GCNQSDĐ cho các chủ sử dụng là Mai Văn H và bà Phan Thị H. UBND xã có nhận được hai hồ sơ đề nghị chứng thực việc chuyển nhượng QSDĐ của hai chủ sử dụng đất với bà H. Tại thời điểm đề nghị UBND xã có kiểm tra hồ sơ đầy đủ nhưng UBND xã không hỏi bà H đã kết hôn chưa (nếu có thì với ai) và không chứng kiến các bên giao tiền cho nhau.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện An D, thành phố Hải Phòng vào ngày 09/8/2017 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai người thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K. Về con chung: Ông bà không có con chung nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Ông K đề nghị Tòa án chia thửa đất 756, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 171 + 72, tờ bản đồ số 15, diện tích 414m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng cho ông và ông sẽ lấy số tiền tương ứng với giá trị các thửa đất.

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Ngày 04/6/2019, bà H đã nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị H QSDĐ đối với diện tích đất 280m², thửa đất số 756, tờ bản đồ số 12, tại thôn Hoàng Mai, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng với giá 150.000.000 đồng. Ngày 11/6/2019, bà H đã nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn H và bà Trần Thị Q QSDĐ đối với diện tích đất 414m², thửa đất số 171 + 72, tờ bản đồ số 15, tại thôn Tê Chử, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng với giá 146.000.000 đồng.

Đến ngày 31/8/2020 giữa vợ chồng ông H, bà Q và bà H đã lập vi bằng. Theo đó ghi nhận việc bà H nhận lại từ vợ chồng ông H số tiền 146.000.000 đồng vào ngày 13/6/2019, chấm dứt việc chuyển nhượng đất giữa hai bên. Ngày 04/9/2020 giữa bà H và bà H đã lập vi bằng. Theo đó ghi nhận việc bà H nhận lại từ bà H số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 18/6/2019, chấm dứt việc chuyển nhượng đất giữa hai bên. Như vậy các thửa đất trên vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ gia đình ông Mai Văn H và bà Phan Thị H. Tuy nhiên quá trình bà H thực hiện việc nhận chuyển nhượng các thửa đất trên là trong thời kỳ hôn nhân với ông K. Bà H không đưa ra được bằng chứng nào thể hiện bà H nhận chuyển nhượng bằng tiền của cá nhân. Do vậy tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân thì cần xác định là tài sản chung của vợ chồng.

Mặc dù bà H trình bày số tiền ông K gửi về, bà đã tiêu pha vào cuộc sống và chữa bệnh hết nhưng bà H không xuất trình được tài liệu chứng minh. Do đó đối với tài sản chung vợ chồng là 03 thửa đất nói trên, bà H phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho ông K theo tài liệu định giá. Cụ thể số tiền bà H phải trả ông K là $(146.000.000 + 150.000.000) : 2 = 148.000.000$ đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Ông K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với giá trị tài sản được hưởng. Bà H phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Ông K có đơn xin ly hôn nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Phạm Thu H. Nguyên đơn, ông K hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, bị đơn bà H hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, Việt Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông K vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ông K có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông đã có mặt tại phiên tòa; bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông H, bà Q, chị P, chị H, bà H và UBND xã Đồng T, huyện An D, đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/8/2017 tại UBND huyện An D. Như vậy theo Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông K và bà H chung sống cùng nhau tại Việt Nam được một thời gian ngắn và có nhiều mâu thuẫn và sau đó ông K về làm việc tại Hàn Quốc. Cuối năm 2017, bà H bị tai nạn, ông K có gửi tiền về để bà chữa bệnh nhưng thời gian này hai người đã sống ly thân với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, theo Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

[4] Về con chung: Ông K và bà H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông K đề nghị Tòa án chia toàn bộ thửa đất số 756, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 171 + 72, tờ bản đồ số 15, diện tích 414m² tại địa chỉ Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng cho ông và lấy bằng tiền tính theo giá trị thực tế thửa đất. Xét thấy,

[5.1] Về tài liệu, chứng cứ: Ông K cung cấp tại Tòa án là những bản photo sao kê tiền gửi từ Hàn Quốc về Việt Nam, có nội dung tiền gửi diễn ra trước khi ông K và bà H kết hôn, có những nội dung người nhận là người khác không phải là bà H và không thể hiện nội dung gửi tiền để bà H mua đất, nên theo Điều 94 BLTTDS xác định đây không phải là nguồn chứng cứ để giải quyết vụ án.

[5.2] Theo như ông K trình bày: Sau khi kết hôn ông có gửi tiền cho bà H để mua đất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông K không cung cấp được bất cứ thông tin nào có nội dung ông gửi tiền từ nước ngoài về cho bà H để mua những thửa đất nêu trên. Ông K cũng không biết thửa đất số 756, thửa đất số 171 + 72 nằm ở đâu, ở vị trí nào, hiện do ai đang quản lý? Không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh các thửa đất này là tài sản chung của ông K và bà H.

[5.3] Tuy nhiên, ông K và bà H đều thống nhất khai việc ông K có gửi tiền về cho bà H để chữa bệnh. Thực tế tháng 01/2018 bà H bị tai nạn giao thông dẫn đến đa chấn thương rất nặng, phải điều trị ở nhiều viện Hà Nội là có thật. Vợ chồng ông Mai Văn H, bà Phan Thị H, bà Phạm Thu H, UBND xã Đồng T, huyện An D cùng xác nhận bà H có thực hiện việc giao dịch chuyển nhượng các thửa đất trên vào tháng 6 năm 2019. Bà H thực hiện việc giao dịch chuyển nhượng với tư cách cá nhân nhưng không có văn bản chứng minh đó là tài sản riêng, nguồn tiền riêng trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, Tòa án thụ lý vụ án yêu cầu ly hôn, chia tài sản này vào ngày 25/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự mới lập vi bằng ghi nhận việc bà H đã nhận lại tiền từ ông H, bà Q, chị H. Như vậy là không đúng với sự thật

khách quan. Đồng thời bà H không chứng minh được số tiền ông K gửi về cho bà H để chữa bệnh và bà đã chi tiêu hết.

Vì thế nên, xác định tài sản chung vợ chồng là giá trị của 03 thửa đất nói trên, bà H phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho ông K theo tài liệu định giá. Cụ thể số tiền bà H phải trả ông K là $(146.000.000 + 150.000.000) : 2 = 148.000.000$ đồng,

Từ những căn cứ phân tích nêu trên cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn của ông K.

[6] Về án phí: Ông K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với giá trị tài sản được hưởng. Bà H phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được hưởng.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông K và bà H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông K được ly hôn bà Phạm Thu H.
2. Về con chung: Ông K và bà Phạm Thu H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn của ông K đối với thửa đất 756, tờ bản đồ số 12, diện tích 280m² tại Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 171 + 72, tờ bản đồ số 15, diện tích 414m² tại Thôn Hoàng M, xã Đồng T, huyện An D, thành phố Hải Phòng. Bà H có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị các thửa đất cho ông K là 148.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 7.400.000 (bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tổng cộng là 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.300.000 (mười ba triệu ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0008617

ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, ông K được nhận lại 5.600.000 (năm triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Bà Phạm Thu H phải chịu án phí chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn là 7.400.000 (bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bà Phạm Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện An D, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà